TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HSST
Ngày: 11-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Công Nguyên và bà Phan Thị Oanh.
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/03/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T (tên gọi khác: H), sinh năm 1997 tại Phú Yên; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1978 và mẹ: Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

+ Ông Trần Đình T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

+ Ông Đặng Quí Đ1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trước đó giữa Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Văn C có nhắn tin qua lại với nhau nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 19/9/2023, T đi xe mô tô mang theo dao tự chế bằng kim loại tìm anh C để đánh nhau. Khi T đến đường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên thấy anh C, nên T dừng

xe và tay phải cầm dao tự chế chém 01 cái nhắm vào tay trái anh C, thấy T chém mình nên anh C khom người né thì lưỡi dao trúng vào vùng cổ làm xước da và T chém tiếp một nhát thì cán dao trúng vai trái. Lúc này, anh C ngồi xuống đường, T cầm dao tay trái tiếp tục chém 03 cái trúng cánh tay phải, C đưa chân lên đỡ thì T tiếp tục chém 03 cái trúng chân gây thương tích. Sau khi gây án, T bỏ đi và đã ném mất cái dao tự chế.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 390/ KLTTCT-PYPY ngày 19/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh P kết luận: Nguyễn Văn C bị tác động bởi vật tày và vật có cạnh sắc gây nên thương tích với tỉ lệ 13%.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSTH ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T với mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt thi hành án; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và bị hại C đã thỏa thuận được với nhau về tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 20.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường cho bị hại C số tiền 10.000.000 đồng nên bị cáo T2 còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại C số tiền 10.000.000 đồng. Do đó đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo T và bị hại C; Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Văn C trình bày: Về trách nhiệm hình sự: Thương tích 13% của tôi là do bị cáo T gây ra nên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Giữa tôi và bị cáo T đã thỏa thuận và thống nhất tổng số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho tôi là 20.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường cho tôi 10.000.000 đồng nên tôi tiếp tục yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng Nguyễn Thị Đ, Trần Đình T1, Đặng Quí Đ1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị cáo Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận và thống nhất tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 20.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại C tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 10.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên cho bị hại và không trình bày tranh luận gì thêm.

Bị cáo Nguyễn Duy T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 16 giờ 50 phút ngày 19/9/2023 tại Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên Nguyễn Duy T đã có hành vi dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Nguyễn Văn C với tỉ lệ 13%. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trước đây, giữa bị cáo T và bị hại C có nhắn tin qua lại với nhau và hai bên xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo T đã dùng dao tự chế gây thương tích ở vùng cổ, tay, chân cho bị hại C với tổng tỷ lệ thương tích 13%. Bị cáo T nhận thức được việc dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm sẽ gây ra thương tích và vi phạm pháp luật. Như vậy, cho thấy hành vi của bị cáo là mang tính chất côn đồ, xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo T và bị hại C đã thỏa thuận được với nhau về tổng số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho bị hại C là 20.000.000 đồng. Bị cáo T đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường số

tiền 10.000.000 đồng cho bị hại C. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo T và bị hại C là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bị hại C số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 1,4m là vật chứng trong vụ án, Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video ghi nhận nội dung, diễn biến vụ án xảy ra ngày 19/9/2023 *(bút lục 60)*, xét thấy đây là tài liệu chứng cứ về hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 02 *(hai)* năm 03 *(ba)* tháng tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Duy T và bị hại Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Duy T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn C tổng số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*, đã bồi thường 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/03/2024), nếu bị cáo Nguyễn Duy T chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 *(một)* đĩa DVD lưu trữ 02 *(hai)* đoạn video ghi nhận nội dung, diễn biến vụ án xảy ra ngày 19/9/2023 *(có tại hồ sơ vụ án (bút lục 60))*.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Công an Tp. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tân Sang